

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 02: từ ngày 25/08/2025 đến ngày 31/08/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K10-VDTY K11-VDTY P.E201	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (Duyệt)	3 Kỹ thuật truyền giống (Nga)	3 CD và ĐTH thú y (Vân)	3 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)	3
	Chiều	4 VSV học thú y (Duyệt)	2 Luật thú y (Nga)	2 PP thí nghiệm (Hàng)	2 Kỹ thuật truyền giống (Nga)	2
K9-KTDN P.E202	Sáng		3 Luật kinh tế (Huyền)			
	Chiều	1 Sinh hoạt lớp (Thủy) KT thuế (T.Thảo)	4 Kế toán thuế (T. Thảo)	4 Kinh tế vĩ mô (P.Thảo)	4 Kinh tế vĩ mô (P.Thảo)	4
K10-KTDN K11-KTDN P.E202	Sáng		3 Luật kinh tế (Huyền) 2 Thống kê DN (Thủy)	3 Thống kê DN (Thủy)	3 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)	3
	Chiều	1 Sinh hoạt lớp (Thủy) KT thuế (T.Thảo)	4 Kế toán thuế (T. Thảo)	4 Kinh tế vĩ mô (P.Thảo)	2 Anh văn chuyên ngành (Phiên) 4 Kinh tế vĩ mô (P.Thảo)	2 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B301	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (Bình)	3 Cây công nghiệp (Thọ)	3 Bệnh cây chuyên khoa (Hương)	3 Phòng trừ dịch hại (Triệu)	3
	Chiều	4 Cây dược liệu (Bình)	2 Khí tượng NN (Lịch)	2 Cây rau (Huệ)	2 Cây rau (Huệ)	2
TT65A1 P.B201	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (Hương)	3 Đất trồng - Phân bón (Hương)	3 Pháp luật (Huyền)	3 Đất trồng - Phân bón (Hương)	3
	Chiều	4 Tin học (Thoa)	2 Sinh lý TV (Huệ)	2 Giống cây trồng (Huyền)	2 GD chính trị (Quế)	2
LN65A P.E304	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (P.B201)	5 Tin học (Trường)	3 Tiếng anh (K.Nhung)	3 Pháp luật (Huyền)	3
	Chiều	4 Tiếng anh (K.Nhung)	2 Tin học (Trường)	2 GD chính trị (Thắm)	2 GDTC (Thủy)	2
Ghi chú: Các môn học Tiếng anh, Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp ĐCN65B3 tại P. E304						
CN64A1 P.E203	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (Vân)	3 KTNPTB cho trâu bò (Vân)	3 KTNPTB cho chó mèo (Lệ)	3 Ký sinh trùng TY (Phượng)	3
	Chiều	4 KTNPTB cho lợn (Hưng)	2 Kỹ sinh trùng TY (Phượng)	2 KTNPTB cho lợn (Hưng)	2 KTNPTB cho gà vịt (Quỳnh)	2
CN64A3 P.E204	Sáng	1 Sinh hoạt lớp (Hoà)	3 KTNPTB cho chó mèo (Quỳnh)	3 KTNPTB cho trâu bò (Phượng)	3 KTNPTB cho lợn (Nga)	3
	Chiều	4 Ký sinh trùng thú y (Hoà)	2 KTNPTB cho lợn (Nga)	2 Ký sinh trùng thú y (Hoà)	2 KTNPTB cho gà vịt (Hoà)	2

CN65A1 P.B202	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Lê) Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	1 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	5	DD và thức ăn CN (Hoà) GDTC (Thuý)	3 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) Pháp luật (Huyền)	3 2	DD và thức ăn CN (Hoà) Giáo dục chính trị (Tài)	3 2
CN65A3 P.B203	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (H.Nga) Dược lý thú y (Duyên)	1 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) Pháp luật (Nga)	3 2	Dược lý thú y (Duyên) DD thức ăn chăn nuôi (Quyên)	3 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) GD chính trị (Quốc)	5 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	3 2
CN65A4 P.E101	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	1 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	3 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) GDTC (Hà)	3 2	Dược lý thú y (Lê) DD thức ăn chăn nuôi (Nga)	3 2	Pháp luật (Nga) Dược lý thú y (Lê)	3 2
KTDN64A1 P.B101	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoa) KTNS xã phường (Hoa)	1 4	Thống kê DN (Thuý) Kế toán doanh nghiệp 2 (P.Thảo)	3 2	Thuế (P.Thảo) Kế toán doanh nghiệp 2 (P.Thảo)	3 2	Thống kê DN (Thuý) Kế toán doanh nghiệp 2 (P.Thảo)	3 2	Thống kê DN (Thuý) KTNS xã phường (Hoa)	3 2
KTDN64A2 P.B102	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) KTDN 2 (Dung)	1 4	Kế toán doanh nghiệp 2 (Dung) Thống kê DN (Thuý)	3 2	Thống kê DN (Thuý) Kế toán doanh nghiệp 2 (P.Thảo)	3 2	Thống kê DN (Thuý) Kế toán doanh nghiệp 2 (Dung)	3 2	Thuế (P.Thảo) Kế toán doanh nghiệp 2 (Dung)	3 2
KTDN65A1 P.B103	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Dung) Kinh tế vi mô (Thuý)	1 4	Tiếng anh (Linh) Kỹ năng mềm (Dung)	3 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) Tiếng anh (Linh)	3 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) Pháp luật (Nga)	3 2	Nguyên lý TK (Hoa) Tiếng anh (Linh)	3 2
KTDN65A2 P.B104	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (P.Thảo) GD chính trị (Thắm)	1 4	Lý thuyết KT (P.Thảo) GDTC (Quang)	5 2	Kỹ năng mềm (Son) Kinh tế vi mô (Thuý)	3 2	Tiếng anh (K.Nhung) Nguyên lý TK (Hoa)	3 2	Tiếng anh (K.Nhung) Pháp luật (Huyền)	3 2
CNTT64A1 P.TH	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Quang) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	1 3	QTCSDL với Access (Phuong) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 3	QTCSDL với Access (Ha) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4	QTCSDL với Access (Phuong) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4
CNTT64A2 P.TH	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) QTCSDL với Access (Phuong)	1 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) QTCSDL với Access (Phuong)	4 3	QTCSDL với Access (Phuong) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4	QTCSDL với Access (Phuong) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4	QTCSDL với Access (Phuong) Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4 4
CNTT65A1 P.B203	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) Kỹ năng mềm (Son)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung) GDTC (Thuý)	3 2	Tin học (Hà) GDTC (Thuý)	5 2	GĐ chính trị (Thắm) Tiếng anh (K.Nhung)	3 2	Tin học (Hà)	5 2
CNTT65A2 P.B204	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp (Phuong) Tiếng anh (Linh)	1 4	Kỹ năng mềm (Son) Pháp luật (Huyền)	3 2	Tin học (Phuong) GDTC (Hà)	5 2	Tiếng anh (Linh) GDTC (Hà)	3 2	Tin học (Phuong)	5 2

ĐCN64A1 P.E103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tuần)	1	Kỹ thuật điện tử (Tuần)	5	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	5	Trang bị điện (Nga)	5	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	5
	Chiều	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4								
ĐCN64A2 P.E104	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	Kỹ thuật điện tử (Giáp)	5	Trang bị điện (Đ.Đức)	5	Cung cấp điện (Tuần)	5	Trang bị điện (Đ.Đức)	5
	Chiều	Cung cấp điện (Tuần)	4								
ĐCN64A3 P.E102	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hoà)	1	Trang bị điện (Nga)	5	Kỹ thuật điện tử (Dương)	5	Cung cấp điện (Đ.Đức)	5	Trang bị điện (Nga)	5
	Chiều	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4								
ĐCN 64B	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huân)	1	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Cung cấp điện (Huân)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	1	Pháp luật (Nga)	3	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	5	Tin học (Hà)	5	Tiếng anh (Phiên)	3
	Chiều	Tiếng anh (Phiên)	4	An toàn điện (Hòa)	2					An toàn điện (Hòa)	2
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiền)	1	An toàn điện (Hòa)	3	Tiếng anh (T.Nhung)	3	Tin học (Phuong)	5	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	5
	Chiều	Tiếng anh (T.Nhung)	4	GDTC (Thủy)	2	Pháp luật (Huân)	2				
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương)	1	Tin học (Thảo)	5	Tiếng anh (Linh)	3	Pháp luật (Huân)	3	An toàn điện (Hòa)	3
	Chiều	An toàn điện (Hòa)	4			GD chính trị (Tài)	2	Tiếng anh (Linh)	2	GDTC (Hà)	2
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga)	1	Tin học (Trường)	5	Tiếng anh (K.Nhung)	3	An toàn điện (Hòa)	3	Pháp luật (Huân)	3
	Chiều	Tiếng anh (K.Nhung)	4			GD chính trị (Thắm)	2	Vệ KT điện (N.Đức)	2	GDTC (Thủy)	2
TL64	Sáng	Sinh hoạt lớp (N.Đức)	1	QLVH kênh và CT trên kênh	5	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	5	QLVH kênh và CT trên kênh	5	QLVH kênh và CT trên kênh	5
	Chiều	KTTC công trình TL (N.Đức)	4	(Huân)				(Huân)		(Huân)	
KTDN64B	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai)	1	KTNS xã phường (T.Thảo)	3	Thống kê DN (Dung)	5	KTNS xã phường (T.Thảo)	3	KTNS xã phường (T.Thảo)	3
	Chiều	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	4	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	2			Thống kê DN (Dung)	2	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	2
CBBQ64	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Quản lý chất lượng TS (Liên)	3	Quản lý chất lượng TS (Liên)	3	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	3	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	3
	Chiều	Quản lý chất lượng TS (Liên)	4	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	2	Quản lý chất lượng TS (Liên)	2	Quản lý chất lượng TS (Liên)	2

KTMTT64	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm)	1	Tự động máy TT (Đồng)	5	Động cơ đốt trong (Đồng)	5	Động cơ đốt trong (Đồng)	5
	Chiều	Tự động máy TT (Đồng)	4						
NTTS64	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh)	5	SX giống tôm sú (Ảnh)	5	SX giống tôm sú (Ảnh)	5
	Chiều	SX giống tôm sú (Ảnh)	4						
Các lớp K65B	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Trồng anh (T.Nhung)	4	GDTC (Quang)	4	GD chính trị (Quê)	4
	Chiều	Pháp luật (Nga)	3						
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN									
LỚP	THỨ	Thứ 6			Thứ 7			Chủ nhật	
TT64A2	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ)			Sinh hoạt lớp (Lịch)		1	Khí tượng NN (Lịch)	4
	Chiều	Bệnh cây CK (Hương)		4	Cây công nghiệp (Thọ)		4		
TT64A3	Sáng	Cây lương thực (Bình)		4	Sinh hoạt lớp (Huế)		1	Cây dược liệu (Bình)	4
TT65A2	Chiều	Giống cây trồng (Huyền)		4	Côn trùng chuyên khoa (Huế)		4	Cây lương thực (Bình)	4
P.B103	Sáng	Dược lý thú y (Duyên)		4	Cây công nghiệp (Thọ)		4	Hoá BVTV (Hương)	4
CN64A2	Chiều			4	Sinh hoạt lớp (Phượng)		1	KTNPTB cho lợn	4
CN65A2	Sáng			4	VSV - TN (Phượng)		4	(Hưng)	4
P.B104	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà)		4	KTNPTB cho lợn (Hưng)		4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu